

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2026

V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Quốc Cẩn**;

2. Ông **Trịnh Hoàng Giang**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lâm Ngọc Tuyên**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 846/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Kim T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp L (nay là ấp T), xã G, tỉnh An Giang.

(Chị T có mặt)

Địa chỉ: A **Trần Văn Đ**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp L (nay là ấp T), xã G, tỉnh An Giang.

(Anh Đ vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trần Kim T** trình bày: Vào năm 2005 chị và anh Đ cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/3/2005.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, chủ yếu về vấn đề kinh tế thường hay

xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và vợ chồng không còn hạnh phúc nữa và vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Đ nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Đ có 02 con chung tên là Trần Chí C, sinh ngày 27/04/2013 và Trần Kim K, sinh ngày 18/5/2006, hiện nay cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết còn cháu C đang sống cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Kim T yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- *Về con chung:* Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Chí C, sinh ngày 27/04/2013 và không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Trần Kim K, sinh ngày 18/5/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ còn anh Đ vắng mặt lần 2 không lý do.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Đ có địa chỉ ấp L (nay là ấp T), xã G, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-

An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang đã triệu tập hợp lệ anh Đ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh Đ là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2022 anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, chủ yếu về vấn đề kinh tế thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Thực tế vợ chồng chị đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian từ năm 2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Đ đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên là Trần Chí C, sinh ngày 27/04/2013 và Trần Kim K, sinh ngày 18/5/2006. HĐXX xét thấy hiện nay cháu K đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết còn cháu C từ khi vợ chồng chị T sống ly thân với nhau đến nay cháu C do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T cũng có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đồng thời cũng phù hợp theo nguyện vọng của con nên cần tiếp tục giao cháu C cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị xác định không yêu cầu anh Đ cấp

dưỡng nuôi con, xét thấy việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị T và anh Đ được. Hơn nữa chị T xác nhận vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị T xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Kim T và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Chí C, sinh ngày 27/04/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung tên Trần Kim K, sinh ngày 18/5/2006 hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 305827 ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh A; chị T không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5- An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Giồng Riềng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Cẩm Nhung

